

CÁI BIẾT CỦA NGƯỜI XƯA

Qua Lịch Sử Trung Hoa



Người xưa thường bảo: “khôn chết, dại chết, biết sống”. Trong biển học mênh mông vô bờ của đề tựa này, tôi không dám mạo hiểm đến chữ “khôn” vì sự thể quá đa đoan của tâm thế kỷ, người khôn có quá dư thừa. Vì quá nhiều, quá khôn nên có lắm kẻ tự tôn tự đại, có kẻ tị hiềm ích kỷ chỉ biết lợi cho cá nhân mình mà quên hết tha nhân. Viết nhiều về chữ “khôn” tôi cảm thấy thẹn lòng không dám cầm bút vì sợ rằng đôi khi mình không cầm lòng nói lên những lời khiếm nhã sẽ mang lụy vào thân.

Còn “dại” thì xin miễn bàn vì không có trong đề tựa. Vả lại, khôn dại tại tâm, đều đưa đến chung một kết quả: “khôn chết, dại chết, biết sống”. Tại sao chỉ có “biết” mới sống? Một đứa bé lên ba cũng đã biết chút ít nhờ cha mẹ dạy dỗ, còn chúng ta ai cũng biết nhờ trí khôn, từng trải, kinh nghiệm, nhưng mấy ai “biết” để phòng ngừa trong mai hậu.

Cái biết của người nay thật khó tìm trên sách vở, vào thời đại văn minh dân chủ này thì cái biết của một cá nhân thường không thể hiện ở cá nhân đó mà bắt nguồn từ một phe nhóm hay đảng phái... Vì vậy tôi vin vào người xưa để mạo muội luận bàn về “cái biết” của hai người theo thứ tự thời gian:

1- Cái biết của Phạm Lãi:

Phạm Lãi người nước Việt, làm đến chức Tướng quốc và cũng là quân sư của Việt Vương Câu Tiễn. Họ sát cánh bên nhau từ vua đến tù binh, đến nô lệ (sau khi thua trận) để rồi khi công thành danh toại thì nghi ngờ lại đến khiến... “đôi ngã chia ly”.

Vào thời mạt vận của nhà Đông Chu, cùng lúc với hai nước láng giềng Ngô-Việt, có các nước khác như: Tần, Tấn, Tề, Triệu, Sở, Lương, Lỗ... Họ đã gây biết bao cảnh đau thương tang tóc, nổi da xáo thịt, thôn tính lẫn nhau để xưng vương, xưng bá, khiến máu chảy thành sông, thây chất thành gò xảy ra hằng ngày. Thuở ấy, vua Ngô là Phù Sai, đem quân đánh

nước Việt để trả thù cho vua cha là Hạp Lư đã bị chết vì vết thương trong chiến trường Ngô-Việt trước đây. Việt Vương Câu Tiễn họp bàn với các cận thần để tìm cách đối phó. Quan sư Phạm Lãi nói nên cố thủ, còn quan Tướng quốc Văn Chủng nói nên xin hòa. Việt Vương không bằng lòng cả hai giải pháp trên nên tự cầm quân ra đánh và thua trận tại Cối Kê để rồi chấp nhận kiếp sống tù binh nô lệ.

Vua Ngô ra lệnh cho vợ chồng vua Việt phải qua Ngô làm nô lệ nếu muốn xã tắc, văn miếu được vẹn toàn. Vua Việt ra đi với Phạm Lãi, để lại quan Tướng quốc Văn Chủng trông nom đất nước, nuôi chí phục thù.

Trong thời gian làm nô lệ ở Ngô, Phạm Lãi sát cánh bên Vua để bày mưu, lập kế lấy lòng vua Ngô, vua tôi nước Việt làm tất cả những việc hạ cấp mà điển hình là việc nếm phân vua Ngô để chẩn bệnh của Việt Vương Câu Tiễn khiến vua Ngô rất hài lòng để rồi... thả cộp về rừng

Sau khi trở về cố quốc, Việt Vương lại nhờ công của hai cận thần Phạm Lãi, Văn Chủng làm cho đất nước trở nên giàu có, binh hùng tướng mạnh để đợi dịp phục thù cái hận Cối Kê ngày xưa mà vua tôi phải đem thân làm nô lệ.

Nhờ hai cận thần tài ba là Phạm Lãi và Văn Chủng nên vua Việt đã đại thắng, giết vua Ngô và gồm thâu bốn cõi. Thắng Ngô, nước Việt trở thành bá chủ của các chư hầu.

Trong tiệc rượu mừng chiến thắng trên đất Ngô, Việt Vương không đá động đến công trạng của bề tôi mà lại không vui nên Phạm Lãi hiểu rằng những nỗi nghi kỵ bắt đầu manh nha trong lòng vua Việt, do đó, qua ngày hôm sau, Phạm Lãi vào tâu Việt Vương rằng:

- Tôi nghe Vua nhục thì bề tôi nên chết, khi trước đại vương bị nhục ở Cối Kê mà tôi không chết là định ẩn nhẫn để báo thù nước Ngô, nay Ngô đã diệt rồi, xin đại vương gia ân cho cái thân già này được về nghỉ.

Việt Vương ứa nước mắt bảo rằng:

- Ta nhờ sức nhà ngươi mà được như thế này, đang nghĩ tới để đền công, cơ sao nhà ngươi lại bỏ ta đi. Nhà ngươi ở lại thì ta giao quyền bính cho, nếu đi thì vợ con nhà ngươi ta sẽ giết hết.

Phạm Lãi nói:

- Giết tôi thì hơn, chứ vợ con tôi có tội gì! Thôi thì sống chết cũng tùy ý đại vương, tôi chẳng nghĩ gì cả.

Thế rồi đêm hôm ấy Phạm Lãi lẳng lặng ra đi và không quên để lại cho tướng quốc Văn Chủng một lá thư.

Biết việc Phạm Lãi trốn đi, Việt Vương biến sắc, bảo Văn Chủng rượt theo bắt, nhưng Văn Chủng tâu rằng:

- Mưu trí của Phạm Lãi quỷ thần cũng khó lường được, ta không nên đuổi theo.

Văn Chủng vừa lui ra thì ngay lúc đó có người đưa cho Văn Chủng một lá thư, Văn Chủng mở ra xem. Thư rằng:

Vua Ngô nói “giống thỏ đã hết thì chó săn chắc bị mổ, địch quốc đã bị diệt thì mưu thần cũng chẳng còn”, Ngài không nhớ hay sao? Vua Việt môi dài mỏ quạ, là người nhẫn tâm và ghét kẻ có công, cùng ở lúc hoạn nạn thì được chứ cùng ở lúc an lạc thì không được, nếu Ngài không đi tất có tai họa.

Thương thay Văn Chủng không nghe lời nên chẳng bao lâu sau bị vua Việt hại.

Cái biết của Phạm Lãi chẳng những giúp mình mà còn giúp cả bạn bè, nhưng tiếc thay, vì danh lợi Văn Chủng không nghe lời nên mới ra nông nỗi. Về sau Phạm Lãi cho người rước cả vợ con để sum họp và vui thú điền viên, thoát vòng tục lụy.

2 - Cái biết của Trương Lương:

Trương Lương tự Tử Phòng, người nước Hàn, dưới thời nhà Tần. Sau khi Tần thủy Hoàng gồm sáu nước trong đó có tổ quốc của ông (so với Phạm Lãi, Trương Lương là kẻ hậu sinh mà theo tôi câu "hậu sinh khả úy" áp dụng cho Trương Lương thật vẹn toàn). Thủy Hoàng áp dụng một chính sách cai trị độc đoán, tàn bạo, vô nhân chưa từng thấy trong lịch sử Trung Hoa. Đốt sách, chôn học trò, xây Vạn Lý Trường Thành, cấm đoán mọi tự do trong đó có một nghiêm lệnh thật là phi lý: *Hễ ba người tụ họp nói chuyện xâm xì thì phạm vào tội chết chém.*

Vào một nơi xa xôi hẻo lánh, cách kinh thành xa lắc xa lơ, có bốn ông lão ngồi trong quán trà đối ẩm, định bàn đến tội ác của vua Tần nhưng vì sợ nên không ai dám mở miệng trước. Mưu sĩ Trương Lương với lòng tràn đầy uất hận, với ý chí quật cường, không khuất phục bạo quyền thấy vậy liền tiến lên kể tội Tần Thủy Hoàng thay cho bốn vị bô lão hèn nhát. Sau sự việc này, người ta còn thấy niềm uất hận của ông qua việc ông đơn độc tổ chức cho dũng sĩ Thượng Hải Công ám sát Tần Thủy Hoàng, nhưng tiếc thay việc không thành nên ông phải đem thân đi lánh nạn.

Kinh nghiệm sau khi thất bại, ông trở nên thận trọng và nhẫn nại hơn qua việc ba lần lượm giày, ba lần chờ đợi tiên ông Hoàng Thạch Công mà không tỏ ra một chút tự ái hay bất mãn nào. Cảm nhận được sự trọn vẹn trong tư tưởng người tuổi trẻ, tiên ông tặng Trương Lương ba quyển sách quý "Thái Công Binh Pháp" để học hỏi và trở thành đệ nhất nhân thời bấy giờ.

Xuất thân từ đất Hàn, Trương Lương thờ vua Hàn nhưng nhận biết rằng Hàn vương không phải là chân chúa và Hàn là một nước quá nhỏ bé yếu đuối không làm nên được đại sự. Vì thế sau khi gặp Lưu Bang và các cận thần của Lưu Bang, Trương Lương nhận ngay được Lưu Bang là chân chúa nên dốc lòng đem hết tài ba ra giúp để diệt Tần đem lại hòa bình và ấm no cho xứ sở.

Quả vậy, sau khi đưa Lưu Bang vào Hán Trung ông đốt ngay Sạn đạo (Sạn đạo là con đường duy nhất thông thương giữa Hán Trung và Hàm Dương; đốt Sạn đạo còn có nghĩa là bỏ tù Lưu Bang) để đánh lừa Sở Bá Vương Hạng Võ. Người ngoài kể cả Lưu Bang cho rằng đây là hành động điên rồ của Trương Lương, nhưng sự thật đây là một đòn hỏa mù để tiến tới thành công trong mai hậu (ngoài Sạn đạo, còn một con đường bí mật khác mà chỉ có Trương Lương biết được mà thôi).

Sau khi đốt Sạn đạo, Trương Lương ủng hộ đi du thuyết các nước để khuyên họ bỏ Sở phò Hán. Dụ vua Sở di đô từ Hàm Dương (nơi yếu địa để dành cho vua ông là Lưu Bang sau này) về Bành Thành (nơi đất chết và cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của vua Sở). Sau chút, Trương Lương tìm được một vị đại nguyên soái tài ba là Hàn Tín cho Lưu Bang mà Sở Bá Vương vì độc đoán, vì u tối không nghe lời quân sư Phạm Tăng để rồi mất Hàn Tín (một đại tướng có tài cầm quân, một người có thể làm nghiêng ngửa cán cân giữa Sở và Hán)

Những việc Trương Lương làm đều nằm trong sự hiểu biết chính xác của ông. Sự đối đầu quan trọng nhất trong đời ông là cuộc hội yến Hồng Môn do quân sư tài ba của Sở Vương là Phạm Tăng đề xướng để giết Lưu Bang, nhưng nhờ hồng phúc của Lưu Bang và nhờ ở sự kém hiểu biết của Hạng Võ nên Lưu Bang và ông thoát chết.

Sau khi hoàn thành xong ba việc quan trọng cho Hán Vương thì chẳng bao lâu sau Hán Vương Lưu Bang nhờ Hàn Tín đánh Đông dẹp Bắc, dồn Sở Bá Vương Hạng Võ vào tuyệt lộ, thống nhất giang sơn, lên ngôi hoàng đế, lập nên nhà Tiền Hán.

Qua sự nhẫn nại, qua cái dũng, cái trí của Trương Lương mà quý vị đã thấy ở trên, sau đây là cái biết của đại mưu sĩ Trương Lương.

Để củng cố uy quyền của mình, Hán Cao Tổ không ngần ngại bắt giam những ai mà ông nghi ngờ có thể bội phản dù là bậc khai quốc công thần. Trước hết ông hại Hàn Tín, rồi đến Bành Việt, Anh Bố cho đến thừa tướng Tiêu Hà cũng phải đi tù...

Đứng trước thực trạng quá ư phủ phàng, Trương Lương sợ tới phiên mình (nhất là sau vụ vua Hàn, nước cũ của ông, làm phản) nên ông đã bắn tiếng rĩ tai mọi người:

- Đời người chẳng khác nào bóng câu qua cửa sổ, trăm năm chỉ là cái chớp mắt thì công danh phú quý mà chi. Tôi muốn vào núi tầm tiên học đạo, tìm kế trường sinh, thoát vòng danh lợi, nhưng vì hoàng thượng quá trong hậu nên tôi không nỡ rời.

Hán Cao Tổ đã nghi, dù nghe vậy nhưng ông vẫn chưa tin, nên để chắc ăn ông thử lòng Trương Lương:

- Trẫm từ khi được tiên sinh chẳng khác nào như chim hồng thêm cánh. Nhờ tiên sinh mà trẫm dựng nên nghiệp cả. Ý trẫm muốn lựa một nước lớn phong cho để đền ơn tiên sinh.

- Thần từ khi theo bệ hạ vào đất Quan Trung, được nhờ hồng phúc của bệ hạ làm nên đôi việc, tuy nhiên thần là kẻ áo vải, chân không mà được bệ hạ cho làm Lưu hầu thế cũng đã cao sang lắm rồi, đâu còn dám mong ước gì hơn. Sau khi đã được đội ơn dày của bệ hạ, thần muốn xa lánh nhân gian, theo ông Xích Tùng Tử, tu luyện, nghiên cứu cái phép tịch cốc làm kế trường sinh, để sống một cuộc đời an nhàn cho thỏa thích.

Nhờ sự đối đáp khôn khéo này, Hán Cao Tổ nghĩ rằng ông có ý thành thực và khẩn thiết bèn chuẩn y những gì ông mong muốn.

Sự thật Trương Lương cũng như mọi người khác, công danh, phú quý ai lại không thèm. Đây hãy nghe những lời dạy dỗ con ông là Trương tích Cường. Cường hỏi cha:

- Phụ thân suốt đời tận tụy việc nước, công lao rất lớn. Đến lúc nước thịnh dân an, lẽ ra vui hưởng phú quý, sao lại cam chịu khắc khổ.

Trương Lương nói:

- Con đâu có biết được thói đời, trèo cao té nặng, càng vinh hoa phú quý càng mang lấy họa vào thân. Hễ ngồi cao thì bị đời ghen ghét, vua sanh lòng ngờ. Cái phú quý ấy chẳng khác nào như phù vân. Sao bằng đem vinh hoa đổi lấy gió mây, tận hưởng cảnh thanh nhàn, không vương mùi tục lụy.

Tích Cường mới vỡ lẽ:

- Thì ra cái tịch cốc của phụ thân là phương châm giữ mình vậy.

Giữ vinh hoa phú quý, quyền cao chức trọng trong lo sợ phập phồng hay nói đúng hơn là tử thần luôn luôn rình rập thì có nghĩa chi mà còn vương vịu với đời. Biết người, biết ta mới thật sự là điều đáng biết; vì thế, Phạm Lãi, Trương Lương, dù ở hai hoàn cảnh, hai thế hệ khác nhau nhưng cùng chung một cách giải quyết là từ bỏ công danh phú quý để đổi lấy cuộc sống tự do thoải mái, hòa mình với thiên nhiên, an bình tận hưởng những chuỗi ngày còn lại của cuộc đời.

(Khuyết Danh)

